



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC**
- Tên tiếng anh : Nam Duoc Joint Stock Company
- Tên giao dịch viết tắt : Nam Duoc., JSC
- Biểu tượng của công ty:



NAM DƯỢC
Tự hào thuốc Nam người Việt

- Trụ sở : Số 30M2 – Khu đô thị Yên Hòa – Phường Yên Hòa – Quận Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 6269 1602
- Fax : 04 6269 8623
- Giấy CNĐKKD : Số 010300383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ tám số 0103039249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 12 năm 2009.



MỤC LỤC

I. Lịch sử hoạt động của Công ty	3
1. Những sự kiện quan trọng.....	3
2. Quá trình phát triển.....	3
2.1. Ngành nghề kinh doanh	3
2.2. Tình hình hoạt động.....	3
3. Định hướng phát triển.....	4
3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	4
3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	5
II. Báo cáo của Hội đồng quản trị.....	5
1.Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm.....	5
1.1.Những yếu tố khó khăn.....	5
1.2. Những nhân tố thuận lợi:.....	5
2. Tóm tắt một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010.....	6
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	6
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	7
III. Báo cáo của Ban giám đốc	7
1. Báo cáo tình hình tài chính.....	7
1.1.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	7
1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010	7
1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông.....	8
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....	8
IV. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010.....	8
1. Bảng cân đối kế toán.....	8
2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.....	12
V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	13
1. Đơn vị kiểm toán độc lập.....	13
2. Ý kiến kiểm toán độc lập	13
VI. Các công ty có liên quan.....	15
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của của Công ty cổ phần Nam Dược.....	15
2. Danh sách các công ty mà Nam Dược nắm giữ trên 50% vốn cổ phần:.....	15
3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan	15
4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan.....	16
4.1. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược	16
4.2. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam.....	16
VII. Tổ chức và nhân sự.....	16
1.Ban điều hành của Công ty	16
2. Tình hình nhân sự của Công ty năm 2010	17
VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty.....	19
1.Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	19
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	19
1.2.Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	19
1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	19
1.4. Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	19
1.5. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tỷ lệ nắm giữ vốn cổ phần tính đến 31/12/2010:.....	19
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn.....	20



I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000,000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02 ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Chức năng kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

- Ngày 07 tháng 02 năm 2005, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần một, trên cơ sở các ngành nghề cũ và bổ sung thêm các ngành nghề nuôi trồng, thu mua chế biến dược liệu và kinh doanh dược liệu.

- Ngày 25 tháng 04 năm 2006, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần hai, với danh sách cổ đông mới là 163 người. Vốn điều lệ lúc này tăng lên 11.600.000.000 đồng (*Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng*)

- Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP – WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này. Cũng trong năm này, Công ty chuyển trụ sở chính về Lô số M13(C14-9), Khu Công nghiệp Hoà Xá, Tỉnh Nam Định. Công ty thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ ba, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Nam Định cấp. Vốn điều lệ tăng lên 33.000.000.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ đồng*) với 245 cổ đông.

- Tháng 05 năm 2007, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư với số vốn điều lệ là 41.688.000.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*). Ngày 25 tháng 06 năm 2007, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

- Năm 2008, Thông qua lấy phiếu biểu quyết của cổ đông đã tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 (*Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng*).

- Việc tăng vốn được thực hiện trong 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (từ Quý IV/2008 đến 31/03/2009): phát hành thêm 430.600 Cổ phần; Giai đoạn 2 (từ ngày 01/04/2009 đến hết 31/10/2010): phát hành thêm 1.080.600 cổ phần.

Đến ngày 31/10/2009, Công ty đã thực hiện xong phần tăng vốn từ 41.688.000.000 đồng lên 56.800.000.000 đồng.

- Ngày 21 tháng 07 năm 2009, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ năm do công ty chuyển trụ sở chính từ Nam định về số 30M2 khu đô thị mới Yên Hoà, phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

- Ngày 08 tháng 12 năm 2009, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ tám do tăng vốn điều lệ từ 41.688.000.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*) lên 56.800.000.000 đồng (*Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng*).

- Ngày 31/12/2009, Công ty đã nộp hồ sơ lên Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam xin niêm yết cổ phiếu của công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn giao dịch UPCOM).

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu;
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm - mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu.



2.2. Tình hình hoạt động

Năm 2010, Nam Dược tiếp tục đầu tư có trọng điểm và chiều sâu vào những sản phẩm có tiềm năng và chất lượng, hoàn thiện và chuẩn hóa bộ máy nhân sự và quy trình làm việc. Công ty đã nhanh chóng tổ chức được một hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, hoạt động quy củ và bài bản. Bên cạnh đó, hoạt động bao tiêu được chú trọng và mang lại các kết quả rất khả quan.

Trong năm 2010 doanh nghiệp đã đạt được một số thành quả đáng khích lệ sau:

- Giải thưởng chất lượng quốc gia 2010 do Thủ tướng chính phủ trao tặng. Nam Dược là một trong 04 doanh nghiệp Dược phẩm Việt Nam được nhận giải thưởng cao quý này.
- Sản phẩm Cốt linh điều được trao tặng Huy chương vàng VN expo do Bộ công thương và cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam trao tặng.
- Sản phẩm Thông xoang tán được tạp chí Tin& Dừng - Thời báo kinh tế Việt Nam đánh giá nằm trong top 200 sản phẩm được người tiêu dùng bình chọn cao nhất qua thăm dò và đánh giá từ 783.000 người tiêu dùng trên cả nước.
- Thương hiệu Nam Dược được người tiêu dùng và giới chuyên môn đánh giá cao với những sản phẩm đứng đầu trong dòng sản phẩm cùng loại như Thông xoang tán, Khang Dược, Bảo Xuân.

3. Định hướng phát triển

3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư**

- **Hoạt động nghiên cứu:** Công ty Nam Dược tiếp tục kết hợp với các nhà thuốc gia truyền có uy tín, các trường đại học và viện nghiên cứu để chuyển giao các bài thuốc có giá trị sử dụng và hiệu quả phòng và điều trị bệnh cao. Đồng thời, kết hợp với các cơ sở khám chữa bệnh uy tín hàng đầu Việt Nam để triển khai các nghiên cứu lâm sàng những bài thuốc quý hoặc những sản phẩm có tiềm năng phát triển cao nhằm chuẩn hóa và khẳng định tác dụng điều trị và hiệu quả chữa bệnh, phục vụ cho nhu cầu phòng chữa bệnh từ thuốc thảo dược nói chung và thuốc nam của người Việt Nam và hướng ra xuất khẩu.

- **Hoạt động sản xuất:** Kết hợp với các hợp tác xã, các hộ nông dân, các vùng trồng dược liệu để trồng dược liệu theo tiêu chuẩn, không những giúp chủ động nguồn nguyên liệu đảm bảo mà còn giúp người dân làm giàu từ cây dược liệu. Hoạt động này đã được nhiều cơ quan thông tin đại chúng đánh giá cao.

❖ **Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu**

- Quảng bá thương hiệu thông qua các hoạt động xã hội mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng: Hỗ trợ các quỹ sức khỏe cộng đồng, các hoạt động văn hoá, đoàn thể, các hoạt động từ thiện vì người nghèo, đồng bào bão lụt, trẻ em nghèo khuyết tật v.v...

- Thống nhất bộ nhận diện thương hiệu không chỉ trong hoạt động tiếp thị của Công ty Cổ phần Nam Dược mà còn thống nhất trong hệ thống các công ty bao tiêu sản phẩm. Từ đó thương hiệu của Nam Dược không ngừng lớn mạnh.

- Xây dựng đội ngũ tiếp thị chuyên nghiệp và đội ngũ trình dược viên có chuyên môn để tuyên truyền và quảng bá các sản phẩm của Công ty đến tận các nhà thuốc trên toàn quốc.

- Mở rộng và hoàn thiện hệ thống phân phối thông qua việc kiện toàn hoạt động hệ thống công ty thành viên; Liên kết với các công ty phân phối tạo thành các công ty vệ tinh.

- Chuyên nghiệp hóa công tác quản trị hệ thống bán hàng và marketing với nền tảng văn hóa vững mạnh, đề cao giá trị chuyên nghiệp, sáng tạo.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ.

❖ **Hoạt động tài chính**

- Duy trì tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh và ổn định.



- Phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn, đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển.
- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ với lãi suất thấp.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với định hướng trở thành nhà sản xuất dược phẩm hàng đầu Việt Nam, Nam Dược hết sức chú trọng cung cấp các sản phẩm đông dược, đặc biệt là các sản phẩm từ những bài thuốc Nam gia truyền, những công trình nghiên cứu khoa học có hiệu quả điều trị cao. Đồng thời chú trọng phát triển các vùng trồng dược liệu, nhằm đảm bảo nguồn đầu vào ổn định, chất lượng.

Nam Dược phấn đấu đạt và duy trì các tiêu chuẩn GMP-ISO9001 – ISO14000 – HACCP – SA8000 - TQM. Với việc sản xuất các sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thiên nhiên, chất lượng cao, đảm bảo các tiêu chuẩn mới nhất về sản xuất, kỹ thuật, bảo quản của trong nước và quốc tế, phong phú về chủng loại nhưng vẫn đảm bảo giá thành hợp lý. Nam Dược là thương hiệu sản phẩm dược đã được giới chuyên môn và người tiêu dùng đánh giá cao trong thời gian gần đây và phấn đấu là thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các chế phẩm từ thiên nhiên.

Công ty lựa chọn một chiến lược phát triển bền vững. Phát triển có trọng điểm từng sản phẩm thành các nhãn hiệu hàng đầu trong dòng sản phẩm cùng loại, giữ vững vị trí tiên phong để duy trì vị thế, doanh số, thương hiệu. Đó là nền tảng để đưa Nam Dược trở thành một doanh nghiệp chuyên nghiệp, đẳng cấp, hàng đầu Việt Nam về các sản phẩm từ thảo dược.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

1.1. Những yếu tố khó khăn

- Mục tiêu phát hành riêng lẻ 2 triệu cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 không thành công vì lý do các thủ tục pháp lý chưa hoàn thiện kịp nên Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn hoạt động.
- Kinh tế đất nước suy thoái, lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ bị thắt chặt ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau.
- Tính cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt, tốc độ xuất hiện hàng cạnh tranh rất nhanh, đặc biệt trong xu thế phát triển các sản phẩm từ thảo dược mạnh mẽ như hiện nay.
- Nhân sự: Do Công ty mới bắt đầu bước vào thời kỳ ổn định, chi phí đầu tư cho nhân sự chưa tương xứng nên chưa có được nhiều nhân sự có chất lượng cao.

1.2. Những nhân tố thuận lợi:

- Năm 2010 là năm nền kinh tế trải qua nhiều khó khăn, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục được đánh giá là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao (6,7%) và là điểm đầu tư hấp dẫn.
- Với sự mạnh dạn đầu tư xây dựng một cơ sở hạ tầng quy chuẩn, một nền tảng văn hóa vững mạnh và một tầm nhìn chiến lược dài hạn xuyên suốt, rõ ràng. Nam Dược đã có những bước tiến nhanh và mạnh trên thị trường. Thương hiệu và uy tín về chất lượng và hiệu quả điều trị của sản phẩm Nam Dược được khẳng định và thừa nhận của người tiêu dùng, giới chuyên môn.
- Xu hướng sử dụng các sản phẩm điều trị từ thảo dược vẫn tiếp tục nâng cao trong tâm lý tiêu dùng của người bệnh.
- Tập thể cán bộ nhân viên đoàn kết, có tinh thần sáng tạo và nhiệt tình công tác cùng với ban lãnh đạo Công ty có nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết nhất trí và sự phân công, phối hợp điều hành hiệu quả.
- Những sản phẩm cho phép các đối tác bao tiêu với giá cả mang lại lợi nhuận tốt và nhanh chóng khẳng định thương hiệu Nam Dược trong cộng đồng và hệ thống y tế.



2. Tóm tắt một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010

a. Bảng thể hiện một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	% tăng giảm của 2010 so với 2009
Tổng giá trị tài sản	144,739,773	147,134,727	1,65%
Doanh thu thuần	58,862,293	93,454,026	58,77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-11,888,527	3,247,790	127.32%
Lợi nhuận khác	-1,798,090	-121,208	67.4%
Lợi nhuận trước thuế	-13,686,618	3,126,582	122.84%
Lợi nhuận sau thuế	-13,686,618	3,126,582	122.84%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của CTCP Nam Dược

b. Bảng thể hiện một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2010 so với kế hoạch

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	KH Năm 2010	Thực hiện năm 2010	% thực hiện so với KH
Vốn chủ sở hữu	74,074,563	44,074,563	60%
Vốn điều lệ	76,800,000	56,800,000	74%
Doanh thu thuần	80,000,000	93,454,026	117%
Lợi nhuận sau thuế	5,000,000	3,126,582	63%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6.25%	3.35%	52%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6.75%	7.09%	105%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của CTCP Nam Dược

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Năm 2010, công ty tiếp tục chiến lược đầu tư tập trung vào các mặt hàng trọng tâm thị trường nhà thuốc (OTC). Bên cạnh những sản phẩm đã có thương hiệu mạnh mà các đối tác đã phát triển, Nam Dược đã tự mình xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm mới với tiềm năng thị trường rất lớn. Những sản phẩm bắt đầu đầu tư từ cuối năm 2009 tiếp tục được chọn lọc và phát triển bài bản hơn trong năm 2010. Qua đó, có nhiều sản phẩm đã chiếm được thị phần lớn, đứng số 1, số 2 trên thị trường trong dòng sản phẩm cùng chủng loại.

- Chính sách bán sản phẩm bao tiêu cho các đối tác đã mang lại một doanh thu ổn định và tương đối cao trong năm qua. Doanh thu bán bao tiêu chiếm tỷ trọng hơn 50% và không những duy trì ổn định hoạt động sản xuất của nhà máy GMP mà còn góp phần rất lớn trong việc củng cố thương hiệu Nam Dược trên thị trường và trong cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu lâm sàng nhằm khẳng định tác dụng và hiệu quả ưu việt của những sản phẩm do Nam Dược sản xuất. Ngoài đề tài về sản phẩm Khang Dược và Cốt linh



diệu (năm 2009), năm 2010 tiếp tục các đề tài về các sản phẩm Bảo xuân (bệnh viện phụ sản Trung Ương), sản phẩm Thông xoang tán, Hạ Áp Ích Nhân (Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương).. Kết quả đề tài của những sản phẩm này đều khẳng định những sản phẩm trên có hiệu quả vượt trội trong dòng sản phẩm cùng loại trên thị trường và hứa hẹn tiềm năng phát triển rất cao.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Chuyên nghiệp và tối thiểu hóa chi phí khu vực sản xuất và khu vực phân phối. Đưa các chỉ số chi phí thấp hơn chi phí bình quân ngành và lợi nhuận cao hơn lợi nhuận bình quân ngành.

- Phát triển thương hiệu Nam Dược thành một doanh nghiệp đẳng cấp và chuyên nghiệp hàng đầu trong 03 - 05 năm.

- Nhanh chóng ổn định và phát triển công ty nhằm thu hồi những khoản đầu tư và chi phí để sớm đưa công ty phát triển.

- Thu hút tối đa các nguồn lực trong và ngoài doanh nghiệp (*Hoạt động bao tiêu*).

- Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (*Cổ đông - Đối tác bao tiêu - Cán bộ công nhân viên*).

Lấy mục tiêu lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2011 và những năm tiếp theo.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,11	1,24
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,65	0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Nợ phải trả/Tổng tài sản (lần)	0,71	0,7
+ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,49	2,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,19	1,21
+ Vòng quay tổng tài sản (lần) (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	0,41	0,64
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-23,25%	3,35%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	-33,05%	7,09%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	-9,45%	2,12%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	-20,19%	3,47%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của CTCP Nam Dược

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: Nghìn đồng



Tài sản		Nguồn vốn	
I. Tài sản ngắn hạn	108.087.194	I. Nợ phải trả	103.060.163
II. Tài sản dài hạn	39.047.532	II. Vốn chủ sở hữu	44.074.563
Tổng cộng	147.134.727	Tổng cộng	147.134.727

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của CTCP Nam Dược

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông

Năm 2010 không có sự thay đổi về vốn cổ đông. Tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty là 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng), chia thành 5.680.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng (không có cổ phần ưu đãi). Tất cả đều đang được lưu hành.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm vừa qua đạt được một phần kế hoạch đã đặt ra. Chỉ tiêu doanh thu vượt kế hoạch đề ra nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế không đạt được kế hoạch. Lý do của chỉ tiêu này không đạt kế hoạch là:

- Các sản phẩm đều đang trong quá trình xâm nhập thị trường nên chi phí đầu tư tiếp thị và bán hàng rất lớn.
- Các sản phẩm cho phép bao tiêu đã có sự phát triển tốt và sau khi điều chỉnh lại giá bán bao tiêu để tăng nguồn thu cho nhà máy nhưng chưa bù lại được chi phí tài chính.

3. Những tiên bộ công ty đã đạt được

Năm 2010 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn đối với Công ty Cổ phần Nam Dược, tuy nhiên với những nỗ lực vượt bậc, Công ty đã có những thay đổi tích cực sau:

- Về tài chính: Doanh số bán hàng gắn liền với những sản phẩm công ty tự tiếp thị và phân phối, chứ không bị phụ thuộc vào mặt hàng bán bao tiêu như năm trước.
- Về hoạt động nghiên cứu và phát triển: Một số sản phẩm của Công ty tiếp tục được khẳng định hiệu quả vượt trội với cơ sở khoa học thông qua các nghiên cứu lâm sàng được thực hiện tại bệnh viện Phụ sản Trung Ương, Bệnh viện YHCT Trung Ương.
- Về hoạt động tiếp thị: Hoạt động tiếp thị được đầu tư chuyên sâu theo từng sản phẩm. Xây dựng được hệ thống bán hàng của Nam Dược trên hầu hết các tỉnh thành, đặc biệt tự xây dựng hệ thống tại các tỉnh phía Nam và hầu hết các địa bàn đều có nhân viên bán hàng chính thức của công ty.

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009

1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2010

MẪU B01-DN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		108,087,194,995	96,035,307,890
I-	Tiền và các khoản tương đương	110	5	4,914,080,423	1,731,731,738
1.	Tiền	111			



				4,914,080,423	1,731,731,738
II-	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,449,228,111	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	6	2,449,228,111	-
III-	Các khoản phải thu	130		51,849,924,426	53,271,120,525
1.	Phải thu của khách hàng	131		32,558,150,934	32,567,773,652
2.	Trả trước cho người bán	132		2,456,168,464	4,577,913,147
5.	Các khoản phải thu khác	135	7	16,835,605,028	16,125,433,726
IV-	Hàng tồn kho	140	8	48,317,816,767	39,281,325,642
1.	Hàng tồn kho	141		49,005,458,087	39,281,325,642
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(687,641,320)	-
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		556,145,268	1,751,129,985
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50,356,480	8,250,000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,444,190	1,106,167,398
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	289,223,078	298,419,438
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	10	210,121,520	338,293,149
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210+220+240+250+260)	200		39,047,532,007	48,704,465,816
II-	Tài sản cố định	220		36,591,659,035	43,646,602,390
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	14	36,110,802,167	43,085,602,706
	- Nguyên giá	222		66,365,432,438	65,890,146,964
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,254,630,271)	(22,804,544,258)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	11	480,856,868	560,999,684
	- Nguyên giá	228		801,428,129	801,428,129
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(320,571,261)	(240,428,445)
IV-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		255,000,000	255,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	12	255,000,000	255,000,000
V-	Tài sản dài hạn khác	260			



			2,200,872,972	4,802,863,426	
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2,174,872,972	4,757,863,426
3.	Tài sản dài hạn khác	268		26,000,000	45,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		147,134,727,002	144,739,773,706
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		103,060,163,012	103,333,536,102
I-	Nợ ngắn hạn	310		86,934,190,733	86,560,185,671
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	56,049,282,909	59,349,147,352
2.	Phải trả cho người bán	312		24,938,619,954	20,276,721,643
3.	Người mua trả tiền trước	313		531,573,275	454,044,486
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1,247,241,483	1,414,746,285
5.	Phải trả người lao động	315		1,119,504,683	926,376,617
6.	Chi phí phải trả	316		514,976,078	489,458,114
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	2,532,992,351	3,649,691,174
II-	Nợ dài hạn	330		16,125,972,279	16,773,350,431
4.	Vay và nợ dài hạn	334	18	16,022,285,714	16,669,663,866
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		103,686,565	103,686,565
B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		44,074,563,990	41,406,237,604
I-	Nguồn vốn, quỹ	410		44,074,563,990	40,950,237,604
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56,800,000,000	56,800,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21,813,000,000	21,813,000,000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(203,846,927)	(244,937,351)
10.	Lỗi lũy kế	420	19	(34,334,589,083)	(37,417,825,045)
II-	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	456,000,000



1.	Nguồn kinh phí	432	-	456,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)		440	147,134,727,002	144,739,773,706

2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	94,754,595,578	59,686,530,289
2. Các khoản giảm trừ	02	21	1,300,569,219	824,236,343
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	93,454,026,359	58,862,293,946
4. Giá vốn hàng bán	11	22	58,929,531,461	46,703,534,912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34,524,494,898	12,158,759,034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		62,086,473	356,537,476
7. Chi phí tài chính	22	23	10,449,315,484	12,407,509,427
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>9,686,775,890</i>	<i>11,965,326,167</i>
8. Chi phí bán hàng	24		12,069,313,782	4,248,530,009
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,820,161,373	7,747,784,712
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3,247,790,732	(11,888,527,638)
11. Thu nhập khác	31		17,220,723	307,951,519
12. Chi phí khác	32		138,429,135	2,106,042,229
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(121,208,412)	(1,798,090,710)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,126,582,320	(13,686,618,348)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52		-	-



hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-17. 52)	60	24	3,126,582,320	(13,686,618,348)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		550	(2,410)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,126,582,320	(13,686,618,348)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7,647,322,925	7,575,542,484
- Các khoản dự phòng	03	687,641,320	88,375,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	289,554,912	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	84,013,561	(481,412,986)
- Chi phí lãi vay	06	9,686,775,890	11,965,326,167
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21,521,890,928	5,461,212,317
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,486,769,309	(1,773,294,800)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9,724,132,445)	(11,639,586,832)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3,704,604,476	20,642,526,921
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,698,055,603	(744,953,460)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9,600,340,098)	(12,261,504,316)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	67,946,082
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(810,000,000)	(12,103,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt	20		



	động kinh doanh		10,276,847,773	(259,757,838)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(548,567,894)	(1,623,205,105)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,590,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150,000,000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44,358,328	350,683,014
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,944,209,566)	(1,272,522,091)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1,878,000,000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	72,245,803,812	79,809,582,178
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76,396,603,189)	(79,477,130,551)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4,150,799,377)	2,210,451,627
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3,181,838,830	678,171,698
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,731,731,738	1,053,560,040
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	509,855	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4,914,080,423	1,731,731,738

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh

Địa chỉ : P801, Tầng 8, Toà nhà Dimal Tower, Lô A2A, Phố Duy Tân
 Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại : (84.4) 3795 8705 Fax : (84.4) 3795 8677

2. Ý kiến kiểm toán độc lập

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng



quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày 31/12/2010 nên chúng tôi không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này tại ngày 31/12/2010 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, chúng tôi đã không thể thu thập đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến về số dư đầu năm và ảnh hưởng của chúng nếu có đến các chỉ tiêu cuối năm của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

Tại ngày 31/12/2010, số dư phải thu khách hàng quá hạn phát sinh trước năm 2009 với số tiền 27.390.280.435 VND chưa được Công ty đánh giá khả năng thu hồi công nợ để lập hồ sơ và trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2010 bao gồm khoản phải thu nội bộ với số tiền 712.692.147 VND chưa được xác nhận, phân tích và xử lý nên chưa được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 31/12/2010 được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu của khách hàng” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tại ngày 31/12/2010, chúng tôi không nhận được thư xác nhận về các khoản công nợ phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán và phải trả cho người bán với số dư lần lượt khoảng 29,5 tỷ VND; 1,6 tỷ VND và 13,3 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số dư này được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu của khách hàng”, “Trả trước cho người bán” và “Phải trả cho người bán” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 cũng như ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chỉ tiêu “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2010 bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh nhưng chưa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hàng năm với số tiền hơn 14,38 tỷ VND, trong đó chi phí phát sinh trước năm 2010 hơn 11,48 tỷ VND. Ngoài ra, số dư phải thu khác với số tiền 2,09 tỷ VND không xác định được nội dung và đối tượng nợ cũng như khả năng thu hồi. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về các số dư này tại ngày 31/12/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 8 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2010, thành phẩm thuốc, thực phẩm chức năng tồn tại kho biệt trữ của Công ty



TNHH Một thành viên Nam Dược (công ty con) với giá gốc là 5.097.962.573 VND chưa được Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hỏng, kém phẩm chất, hết hạn sử dụng... trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.10 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty phân bổ chi phí quảng cáo trong thời gian 3 năm thay vì ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh khi phát sinh. Chúng tôi không thực hiện các thủ tục kiểm toán để xác nhận chi phí quảng cáo phát sinh từ trước năm 2010 với số tiền 2.973.817.679 VND được phản ánh tại chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” tại ngày 01/01/2010. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 01/01/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.2 và 12 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trước ngày 01/01/2010, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào công ty con này được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty theo giá gốc. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến tình hình tài chính của công ty con này cũng như phương án triển khai hoạt động kinh doanh hoặc xử lý tài chính của các chủ sở hữu làm cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư và đánh giá giá trị thuần của khoản đầu tư để làm cơ sở trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tại ngày 31/12/2010. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 01/01/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán (nếu có) nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 18 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản vay dài hạn được hoàn trả trong vòng một năm với số tiền 4.421.400.000 VND được trình bày tại chỉ tiêu “Vay và nợ dài hạn” thay vì cần được trình bày tại chỉ tiêu “Vay và nợ ngắn hạn” theo các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của của Công ty cổ phần Nam Dược

(Không có)

2. Danh sách các công ty mà Nam Dược nắm giữ trên 50% vốn cổ phần:

Tên công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Nam Dược



Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược	30	100%
Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam	1	100%

3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan

- Năm 2010, công ty giữ nguyên mức vốn góp đã đầu tư của năm 2009:

+ Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*)

+ Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam: 1.000.000.000 (*Một tỷ đồng*)

Ngoài ra, Công ty đã góp vốn đầu tư thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với số vốn góp theo cam kết là 510 triệu đồng, chiếm 51% vốn điều lệ, (số vốn đã góp thực tế là 255 triệu đồng). Đến ngày 31/12/2010, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Dược đang tạm ngừng hoạt động.

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

4.1. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược

Trụ sở chính: Lô số M13 (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định.

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010
Tổng tài sản:	128.191.766
Doanh thu thuần:	75.219.389
Lợi nhuận sau thuế:	7.156.031

4.2. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam

Trụ sở chính: 140/55 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010
Tổng tài sản:	5.682.506
Doanh thu thuần:	22.944.713
Lợi nhuận sau thuế:	54.786

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Ban điều hành của Công ty

Tổng Giám đốc : Ông Hoàng Minh Châu

Phó Tổng Giám đốc : Ông Nguyễn Văn Lợi Từ ngày 01/07/2010

Kế toán trưởng : Bà Trần Thị Anh Đức

- Tóm tắt lý lịch các thành viên ban điều hành:

. Ông Hoàng Minh Châu:

Họ và tên : Hoàng Minh Châu
 Ngày tháng năm sinh : 25/06/1974
 Quê quán : Hùng Tiến, Nam Đàn, Nghệ An
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ, Dược sỹ Đại học

• Ông Nguyễn Văn Lợi:

Họ và tên : Nguyễn Văn Lợi
 Ngày tháng năm sinh : 24/11/1982
 Quê quán : Hưng Tiến, Hưng Nguyên, Nghệ An
 Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học

• Bà Trần Thị Anh Đức

Họ và tên : **Trần Thị Anh Đức**
 Ngày tháng năm sinh : 20/01/1980
 Quê quán : Thanh Hoá
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Trong năm 2010, Công ty có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành:

Hội đồng quản trị công ty đã bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Lợi giữ chức phó Tổng giám đốc từ ngày 01/07/2010.

2. Tình hình nhân sự của Công ty năm 2010

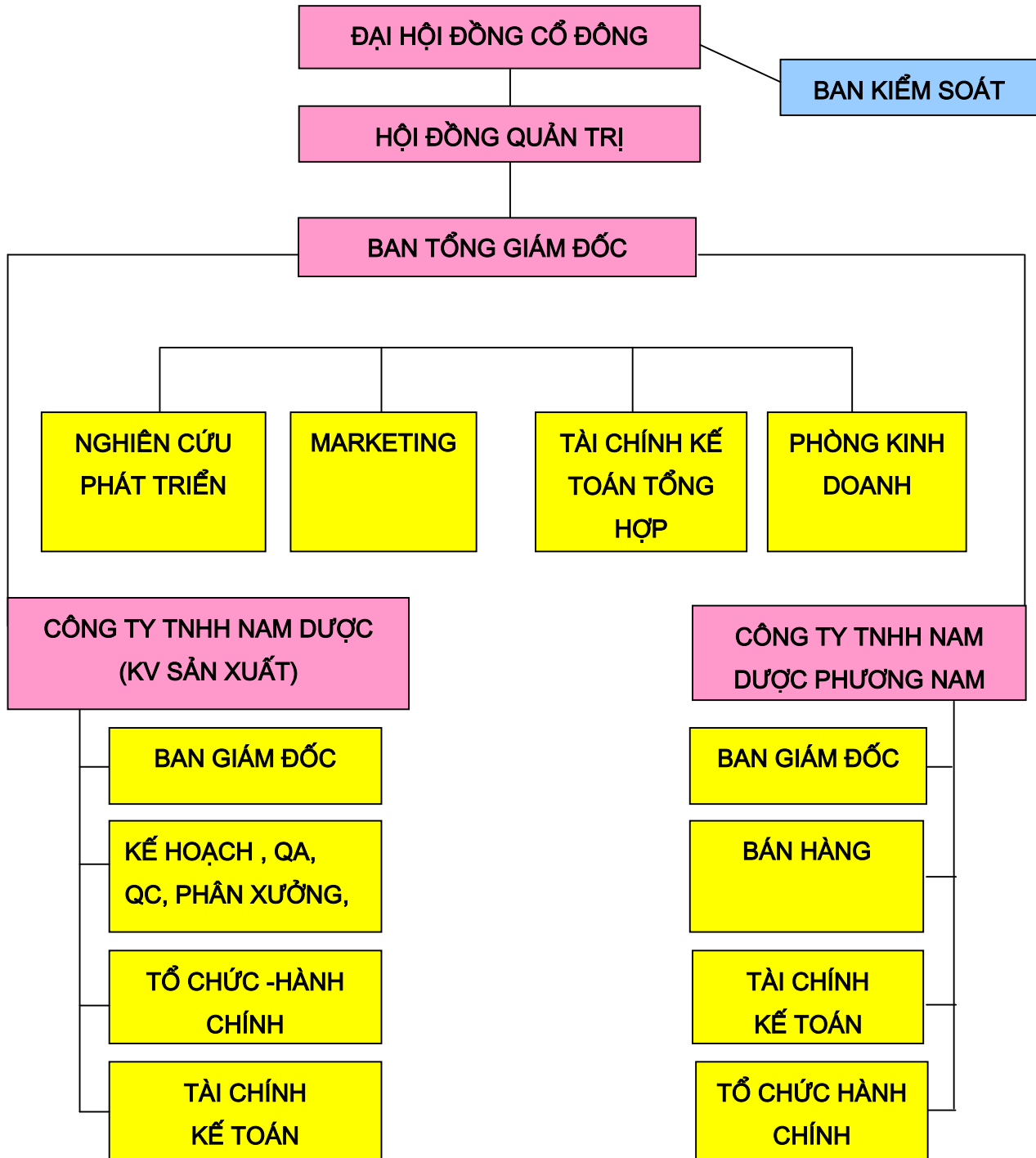
Toàn bộ hệ thống Công ty có 284 cán bộ, công nhân viên, trong đó cơ cấu lao động phân chia theo trình độ như sau:

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	2	0.70%
Đại học	45	15.85%
<i>Trong đó - Đại học Dược</i>	<i>16</i>	<i>5.63%</i>
<i>- Đại học khác</i>	<i>29</i>	<i>10.21%%</i>
Cao đẳng, trung cấp	111	39.08%
Công nhân kỹ thuật	11	3.87%
Dược tá	62	21.83%
Tốt nghiệp phổ thông trung học	53	18.66%
Tổng	284	100.00%

Công ty luôn thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách mà nhà nước quy định đối với người lao động (Bảo hiểm y tế, xã hội, lương thưởng, vệ sinh, an toàn lao động....)



Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Nam Dược:





VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, với nhiệm kỳ là 03 năm. Trong năm 2010, Đại hội đồng cổ đông đã bầu 05 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III.

Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên nhiệm kỳ III do Đại hội đồng cổ đông bầu lại trong năm 2010.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong 05 thành viên của Hội đồng quản trị, có 02 thành viên kiêm nhiệm là Ông Hoàng Minh Châu – thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và Ông Lê Văn Sản - thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty TNHH Nam Dược. Các thành viên còn lại độc lập, không tham gia điều hành.

1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về công việc được giao.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính trung thực, chính xác, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Cả ba thành viên của Ban kiểm soát đều là cổ đông của Công ty.

1.4. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tỷ lệ nắm giữ vốn cổ phần tính đến 31/12/2010:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần	Thay đổi tỷ lệ
I. Hội đồng quản trị					
1	Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	139.200	2,45%	-
2	Ông Hoàng Minh Châu	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	189.500	3,34%	
3	Ông Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322.200	5,67 %	-
4	Bà Dương Thị Lan	Ủy viên	105.000	1,85 %	
5	Ông Lê Văn Sản	Ủy viên	1.000	0,017%	
II. Ban kiểm soát					
1	Bà Vũ Thị Nga	Trưởng ban	7.500	0,13%	-
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	35.000	0,62%	-
3	Ông Phạm Thành Đạt	Thành viên	20.000	0,35%	



III. Ban điều hành				
1	Ông Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	189.500	3,34%
2	Ông Nguyễn Văn Lợi	Phó Tổng giám đốc	10.200	0,18%
3	Bà Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng		-

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn

Cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần Nam Dược tại thời điểm 31/12/2010:

STT	Cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cán bộ công nhân viên	82	575.400	10,13%
3	Cổ đông bên ngoài	297	5.104.600	89,87%
Tổng		379	5.680.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần Công ty cổ phần Nam Dược tại thời điểm 31/12/2010.

Thông tin chi tiết về các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL(%)
1	Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	Số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	344.000	6,06%
2	Nguyễn Văn Giang	Khối 5, tổ 40, Thị trấn Đông Anh – Hà Nội	322.000	5,67%
3	Dương Thị Sáu	Số 24A ngõ 1/152 Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	1.417.450	24,95%

a. Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

- Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015146 ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép kinh doanh chứng khoán số 37/UBCK-GPHDKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)

- Ngành nghề hoạt động:

* Môi giới chứng khoán

* Tư vấn phương án cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

* Tư vấn xử lý các vấn đề tài chính khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

* Tư vấn bán đấu giá cổ phần



- * Tư vấn phương án tăng vốn điều lệ
 - * Tư vấn tái cơ cấu tài chính
 - * Tư vấn đăng ký giao dịch, niêm yết
 - * Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - * Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - * Lưu ký chứng khoán
 - Thay đổi về tỷ lệ cổ phần sở hữu: Không
- b. Ông Nguyễn Văn Giang
- Địa chỉ thường trú: Khối 5, tổ 40, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
 - Ngày tháng năm sinh: 02/10/1959
 - Nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy
 - Thay đổi về tỷ lệ cổ phần sở hữu: Không
- c. Bà Dương Thị Sáu
- Địa chỉ thường trú: Số 24A, ngõ 1/152 Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
 - Ngày tháng năm sinh: 01/11/1975
 - Nghề nghiệp: Dược sỹ đại học
 - Thay đổi về tỷ lệ cổ phần sở hữu: Có

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

DS.Lã Xuân Hạnh